

Số: 1805/QĐ-ĐHNLBG

Bắc Giang, ngày 22 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận trúng tuyển Đại học Văn bằng 2
và liên thông Cao đẳng lên Đại học hình thức chính quy năm 2018**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học ban hành kèm theo văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 05/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ 2 ban hành theo Quyết định số 22/2001/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh liên thông Đại học, Cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 935/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 19/11/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018;

Căn cứ biên bản của Hội đồng tuyển sinh họp ngày 19 tháng 10 năm 2018;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 35 thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh liên thông Cao đẳng lên Đại học các ngành Kế toán, Thú y, Quản lý đất đai và Công nghệ thực phẩm; 14 thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh Đại học Văn bằng 2 ngành Quản lý đất đai hình thức chính quy năm 2018.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị công tác có liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

- Lưu: VT, ĐT, TTTS&TVVL.



PGS.TS. Nguyễn Quang Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2
HÌNH THỨC CHÍNH QUY NĂM 2018 (Đợt thi ngày 06 - 07/10/2018)

(Kèm theo Quyết định số: **1805**/QĐ-ĐHNLBG của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang,
ngày **22** tháng 10 năm 2018)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành	Điểm thi		
					Toán cao cấp	Tiếng Anh	Tổng điểm làm tròn
1	19	Nguyễn Hồng Phán	04/11/1983	Quản lý đất đai	6.50	7.00	13.50
2	20	Trần Duy Bình Minh	08/03/1994	Quản lý đất đai	6.00	7.10	13.00
3	21	Nguyễn Thị Bích Phương	01/08/1989	Quản lý đất đai	6.00	7.10	13.00
4	29	Phạm Thanh Nga	01/03/1987	Quản lý đất đai	5.00	7.60	12.50
5	30	Võ Hồng Sơn	28/07/1977	Quản lý đất đai	5.00	7.50	12.50
6	22	Phạm Quang Thọ	16/07/1975	Quản lý đất đai	5.50	7.00	12.50
7	23	Lê Thị Ngọc Thúy	21/09/1990	Quản lý đất đai	5.50	7.00	12.50
8	27	Nguyễn Thị Hồng	02/08/1982	Quản lý đất đai	5.00	6.80	12.00
9	28	Đỗ Hồng Kỳ	22/01/1977	Quản lý đất đai	5.00	6.80	12.00
10	24	Nguyễn Thu Trang	28/08/1992	Quản lý đất đai	5.50	6.70	12.00
11	31	Dương Văn Trung	10/04/1990	Quản lý đất đai	5.00	6.80	12.00
12	63	Nguyễn Thị Tuyết	16/06/1986	Quản lý đất đai	5.00	7.10	12.00
13	26	Phạm Công Hoàng	30/10/1978	Quản lý đất đai	5.00	5.90	11.00
14	32	Trần Văn Tú	25/11/1976	Quản lý đất đai	5.00	6.00	11.00

(Tổng số có 14 thí sinh trong danh sách)

Ngày **22** tháng **10** năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS.TS. Nguyễn Quang Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG - ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC CHÍNH QUY NĂM 2018 (Đợt thi ngày 06 - 07/10/2018)

(Kèm theo Quyết định số: **1805/QĐ-ĐHNLBG** của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, ngày **22** tháng 10 năm 2018)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành	Điểm thi			
					Toán	Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên ngành	Tổng điểm làm tròn
1	34	Nguyễn Thị Dậu	27/07/1979	CN thực phẩm	8.00	7.50	5.00	20.50
2	35	Lương Thị Hiền	12/02/1980	CN thực phẩm	7.00	7.50	5.50	20.00
3	36	Nguyễn Bình Sơn	20/04/1993	CN thực phẩm	5.50	7.00	5.00	17.50
4	37	Cao Thị Uyên	01/06/1993	CN thực phẩm	6.00	6.50	5.00	17.50
5	02	Nguyễn Thị Hoa	01/06/1985	Kế toán	6.50	7.00	7.75	21.50
6	05	Nguyễn Hữu Kiên	29/08/1984	Kế toán	8.00	6.00	7.50	21.50
7	11	Nguyễn Thị Thu Trang	10/10/1986	Kế toán	7.50	6.00	7.50	21.00
8	01	Phạm Thị Thái Hà	03/01/1987	Kế toán	6.50	7.00	7.00	20.50
9	03	Nguyễn Thị Huệ	11/05/1982	Kế toán	7.00	6.00	7.25	20.50
10	06	Nguyễn Thị Lương	14/09/1984	Kế toán	8.00	6.00	6.50	20.50
11	10	Nguyễn Văn Tiếp	20/01/1996	Kế toán	5.00	5.00	5.75	16.00
12	16	Phạm Thị Nhuân	06/09/1980	Quản lý đất đai	7.50	8.50	8.50	24.50
13	13	Nguyễn Thị Hồng	10/09/1983	Quản lý đất đai	7.50	8.00	8.50	24.00
14	17	Vi Mạnh Toàn	06/07/1992	Quản lý đất đai	6.50	6.50	8.50	21.50
15	15	Vương Thế Khoa	28/09/1997	Quản lý đất đai	5.50	5.50	7.50	18.50
16	50	Nguyễn Quốc Hưng	25/11/1996	Thú y	7.50	8.00	6.75	22.50
17	46	Trần Mạnh Dũng	18/09/1997	Thú y	7.50	6.00	8.25	22.00
18	52	Phan Tuấn Lư	17/09/1997	Thú y	6.00	8.50	7.00	21.50
19	54	Triệu Văn Minh	12/06/1991	Thú y	6.00	7.00	8.50	21.50
20	55	Leo Văn Năm	25/10/1984	Thú y	6.00	8.00	7.25	21.50
21	48	Đỗ Đức Hùng	18/11/1996	Thú y	8.50	5.50	6.75	21.00
22	57	Nguyễn Tiến Sơn	21/06/1997	Thú y	7.50	6.50	6.75	21.00
23	43	Đồng Chí Cảnh	05/02/1984	Thú y	5.50	8.00	6.50	20.00
24	58	Nguyễn Tự Thành	08/11/1997	Thú y	7.50	7.00	5.25	20.00
25	60	Bùi Minh Tuấn	14/05/1997	Thú y	5.50	7.25	7.25	20.00
26	47	Bùi Hải Hòa	19/08/1978	Thú y	8.00	5.25	6.00	19.50

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành	Điểm thi			
						Toán	Kiến thức cơ sở	Kiến thức chuyên ngành	Tổng điểm làm tròn
27	51	Lê Quốc	Huy	21/11/1996	Thú y	6.50	6.25	6.50	19.50
28	59	Nguyễn Văn	Toàn	20/05/1997	Thú y	8.00	5.00	6.50	19.50
29	45	Bùi Đức	Chung	18/03/1995	Thú y	7.50	5.50	6.00	19.00
30	49	Nguyễn Văn	Hùng	20/02/1997	Thú y	7.00	6.00	6.00	19.00
31	41	Đỗ Danh	Bằng	06/04/1997	Thú y	6.00	5.00	6.75	18.00
32	44	Nguyễn Quang	Cảnh	04/01/1995	Thú y	7.50	5.00	5.25	18.00
33	42	Nguyễn Đức	Bình	21/03/1997	Thú y	6.50	5.00	5.75	17.50
34	61	Vũ	Tuyến	23/02/1997	Thú y	5.50	5.00	5.75	16.50
35	62	Nguyễn Văn	Xuân	08/08/1996	Thú y	5.50	5.00	6.00	16.50

(Tổng số có 35 thí sinh trong danh sách)

Ngày 22 tháng 10 năm 2018



PGS.TS. Nguyễn Quang Hà